

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi chung là Đề án).

UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội.

- Xác định cụ thể các nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì; công tác phối hợp của cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đúng quy định, chất lượng và hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia phối hợp phải tích cực, chủ động triển khai bám sát mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Đề án, xác định các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ thực hiện, sản phẩm hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai Đề án.

- Việc thực hiện Đề án phải bảo đảm có sự phối hợp chặt chẽ, thực hiện các nhiệm vụ đúng tiến độ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

II. NỘI DUNG

1. Các nhiệm vụ cụ thể

1.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

- Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.
- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Đào tạo.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố: (1) Nghiên cứu xây dựng, trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết trong đó quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo cơ chế ưu đãi khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác; (2) Xây dựng và ban hành Quyết định của UBND Thành phố về Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội.

1.2. Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng

- Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, phối hợp với các sở, cơ quan tương đương sở phụ trách về chuyên môn và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xây dựng chương trình bồi dưỡng trình UBND Thành phố phê duyệt theo quy định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

- Căn cứ chương trình được UBND Thành phố phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các chỉ tiêu, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được lựa chọn xây dựng và phê duyệt tài liệu bồi dưỡng theo quy định trước khi tổ chức bồi dưỡng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, biên soạn nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Thành phố (*nếu cần*), báo cáo UBND Thành phố phê duyệt theo quy định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

1.3. Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng (*đối với cơ quan, đơn vị được giao chủ trì*)

Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng như sau:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị, trong đó, cụ thể lộ trình, thời gian thực hiện từng nhiệm vụ theo chỉ tiêu được giao;

- Báo cáo UBND Thành phố phê duyệt Quyết định tổ chức lớp bồi dưỡng (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*) theo chỉ tiêu được giao chủ trì tại Kế hoạch triển khai Đề án;

- Căn cứ Quyết định tổ chức lớp được UBND Thành phố phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì ban hành Thông báo triệu tập học viên theo đăng ký của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố (*đối chiếu đúng đối tượng theo quy định tại Đề án*); Quyết định mở lớp theo chỉ tiêu được giao (*có danh sách học viên*); xây dựng dự toán chi tiết kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng;

- Hợp đồng với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có uy tín, đủ thẩm quyền và chức năng mở lớp được lựa chọn theo quy định;

- Phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức bồi dưỡng như sau:
 - + Khai giảng lớp bồi dưỡng (*mời đại diện cơ quan, đơn vị liên quan dự*);
 - + Bồi dưỡng theo Chương trình, tài liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - + Bế giảng lớp bồi dưỡng, phát chứng chỉ theo Quyết định cấp chứng chỉ của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (*mời đại diện cơ quan, đơn vị liên quan dự*);
- Phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức quản lý lớp học theo quy định (*Quyết định phân công chủ nhiệm lớp của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; Quyết định cử công chức, viên chức quản lý, phụ trách lớp bồi dưỡng của đơn vị được giao chủ trì mở lớp*);
- Thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các lớp được giao chủ trì triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành theo Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- Hoàn thiện hồ sơ mở lớp để lưu trữ theo quy định;
- Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị báo cáo UBND Thành phố (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*);
- Báo cáo Ban Chỉ đạo (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*) kết quả bồi dưỡng và khả năng thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm về các chỉ tiêu được giao chủ trì theo Đề án trước ngày 10/6 và 10/9 hàng năm.
- Phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong việc kết nối với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài về kinh nghiệm, cách giải quyết các tình huống về những nội dung liên quan, xây dựng hệ thống nội dung kiến thức, kinh nghiệm trên Website của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng để học viên có thể thường xuyên khai thác, nghiên cứu và học tập;
- Rà soát, đề xuất chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2026 - 2030 theo mục tiêu cụ thể của Đề án về lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách (*tiếp tục thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tiêu đã đề ra cho giai đoạn 2022 - 2025; bổ sung các chỉ tiêu phù hợp với đặc điểm tình thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030*); xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030 báo cáo UBND Thành phố phê duyệt theo quy định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

2. Lộ trình thực hiện

Căn cứ tình hình thực tế, UBND Thành phố giao thực hiện các chỉ tiêu bồi dưỡng Đề án cụ thể như sau:

2.1. Năm 2022 đến năm 2025

Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu bồi dưỡng được giao tại Đề án theo các Phụ

lục: PL 01-SNV; PL 02-STC; PL 03-STTTT; PL 04-SKHCN; PL 05-SGD&ĐT; PL 06-SYT đính kèm.

2.2. Định hướng đến năm 2030

Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030 được UBND Thành phố phê duyệt.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí được giao tại Đề án và các quy định hiện hành về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trung ương và Thành phố.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Nội vụ (cơ quan thường trực thực hiện Đề án)

- Tham mưu báo cáo UBND Thành phố Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.
- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.
- Chủ trì rà soát, tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu bố trí nguồn kinh phí.
- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì triển khai các chỉ tiêu theo Đề án thẩm định Chương trình bồi dưỡng; dự thảo trình UBND Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình và tổ chức lớp bồi dưỡng theo quy định;
- Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện bồi dưỡng đối với các chỉ tiêu được giao tại Đề án theo Phụ lục PL 01-SNV ban hành kèm theo Kế hoạch này đảm bảo theo mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung được phê duyệt tại Đề án.
- Tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị về chỉ tiêu đào tạo sau đại học, báo cáo UBND Thành phố và triển khai thực hiện đối với nội dung đào tạo sau đại học theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng theo các chỉ tiêu của Đề án.
- Tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo về kết quả bồi dưỡng và khả năng thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm về các chỉ tiêu của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì theo Đề án tháng 6 và tháng 9 hàng năm.
- Hàng năm, tổng hợp đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo, bồi dưỡng

của cơ quan, đơn vị báo cáo UBND Thành phố.

- Tổ chức sơ kết 03 năm và tổng kết 05 năm thực hiện Đề án báo cáo UBND Thành phố, Thành ủy, Bộ Nội vụ theo quy định.

- Triển khai hướng dẫn, tổng hợp chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng các cơ quan, đơn vị đề xuất giai đoạn 2026 - 2030 theo mục tiêu cụ thể của Đề án, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện báo cáo UBND Thành phố phê duyệt và triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí, phân bổ kinh phí đảm bảo triển khai các chỉ tiêu cụ thể của Đề án trên cơ sở đề xuất, tổng hợp của Sở Nội vụ.

- Phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra việc triển khai thực hiện về nội dung chi, mức chi đối với các nội dung triển khai theo Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị liên tổ chức thực hiện bồi dưỡng đối với các chỉ tiêu được giao tại Đề án theo Phụ lục PL 02-STC ban hành kèm theo Kế hoạch này đảm bảo theo mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung được phê duyệt tại Đề án.

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu đào tạo sau đại học theo Đề án của cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Thành phố quyết định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị liên tổ chức thực hiện bồi dưỡng đối với các chỉ tiêu được giao tại Đề án theo Phụ lục PL 03-STTTT ban hành kèm theo Kế hoạch này đảm bảo theo mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung được phê duyệt tại Đề án.

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu đào tạo sau đại học theo Đề án của cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Thành phố quyết định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị liên

tổ chức thực hiện bồi dưỡng đối với các chỉ tiêu được giao tại Đề án theo Phụ lục PL 04-SKHCN ban hành kèm theo Kế hoạch này đảm bảo theo mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung được phê duyệt tại Đề án.

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu đào tạo sau đại học theo Đề án của cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Thành phố quyết định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị liên tổ chức thực hiện bồi dưỡng đối với các chỉ tiêu được giao tại Đề án theo Phụ lục PL 05-SGD&ĐT ban hành kèm theo Kế hoạch này đảm bảo theo mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung được phê duyệt tại Đề án.

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu đào tạo sau đại học theo Đề án của cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Thành phố quyết định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

6. Sở Y tế

- Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị liên tổ chức thực hiện bồi dưỡng đối với các chỉ tiêu được giao tại Đề án theo Phụ lục PL 06-SYT ban hành kèm theo Kế hoạch này đảm bảo theo mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung được phê duyệt tại Đề án.

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu đào tạo sau đại học theo Đề án của cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Thành phố quyết định (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

7. Thủ trưởng các sở, cơ quan tương đương sở; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các chỉ tiêu của Đề án trong việc xây dựng chương trình, tài liệu liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành phụ trách.

- Căn cứ vào mục tiêu cụ thể của Đề án; đối tượng của từng chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng để lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn để cử đi đào tạo, bồi dưỡng: đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định; đảm bảo đúng vị trí việc làm theo yêu cầu từng chỉ tiêu của Đề án; Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong cùng một thời điểm tham gia nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng thuộc chương trình, kế hoạch, đề án khác nhau.

- Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập theo quy định; Ưu tiên lựa chọn, cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trẻ, cán bộ, công chức, viên chức là nữ, cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có chiều hướng phát triển tốt.

- Thường xuyên đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo, bồi dưỡng trao đổi kinh nghiệm, cách giải quyết các tình huống về những nội dung liên quan đến chương trình đào tạo, bồi dưỡng với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài; khai thác, nghiên cứu và học tập nội dung liên quan trên trang Website của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu đào tạo sau đại học theo Đề án của cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Thành phố quyết định (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

- Hàng năm, báo cáo UBND Thành phố về đánh giá chất lượng và việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị quản lý (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

- Rà soát, đề xuất chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2026 - 2030 theo mục tiêu cụ thể của Đề án (tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu tiêu đã đề ra cho giai đoạn 2022 - 2025 chưa cử đi bồi dưỡng; bổ sung các chỉ tiêu phù hợp với đặc điểm tình thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030); UBND Thành phố phê duyệt theo quy định (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, cơ quan tương đương sở; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã căn cứ Kế hoạch này triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ để tổng hợp).

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND Thành phố bằng văn bản (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo giải quyết. /

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Đề án;
- VP UBND TP; CVP, các P.CVP;
- các phòng NC, TH;
- Các sở, cơ quan tương đương sở; UBND quận, huyện, thị xã; các ĐVSN trực thuộc UBND TP;
- Lưu VT, NC, SNV, STC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PL 01-SNV

PHỤ LỤC BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025" SỞ NỘI VỤ CHỦ TRÌ

(Kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày/lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG SỐ	3.010		92		3.550	68.234	3	60	1.365	31	1.220	24.984	35	1.420	25.771	23	850	16.114
A	BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC CÁC SỞ, NGÀNH; UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	910		50		1.450	41.884	3	60	1.365	16	470	15.614	19	620	15.751	12	300	9.154
I	Bồi dưỡng hình thành đội ngũ chuyên gia	160		35		700	34.584	3	60	1.365	11	220	13.154	11	220	11.879	10	200	8.186
1	Lĩnh vực quản lý phát triển đô thị	60		15		300	13.344	3	60	1.365	4	80	3.993	4	80	3.993	4	80	3.993
1.1	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quản lý nhà nước về phát triển đô thị, kinh nghiệm làm việc ở những nước tiên tiến, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách về phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại gắn với chuyển đổi số.	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng liên quan đến quản lý phát triển đô thị thuộc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ngoại vụ, Y tế, Công thương, Ban QL các Khu CN và Chế xuất, các Ban thuộc HĐND Thành phố.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	3	20	60	1.365	3	60	1.365									
1.2	Cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp trong quản lý phát triển đô thị, kinh nghiệm làm việc theo xu hướng hội nhập quốc tế; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách về xây dựng phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại gắn với chuyển đổi số.			9	5	180	900				3	60	300	3	60	300	3	60	300
1.3	Kinh nghiệm thực tế về quản lý phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại ở một số nước tiên tiến.		Nhật Bản, Singapore, Mỹ, ...	3	10	60	11.079				1	20	3.693	1	20	3.693	1	20	3.693

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
2	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	100		20		400	21.240	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
2.1	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, quản trị nguồn nhân lực (tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý và sử dụng công chức...); xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chuyển đổi số, kinh nghiệm làm việc về quản lý nguồn nhân lực.	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc các sở, cơ quan tương đương sở, UBND quận, huyện, thị xã làm công tác tổ chức cán bộ.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	5	20	100	1.775				5	100	1.775						
2.2	Cập nhật kiến thức, kỹ năng về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức khu vực công, sử dụng công chức, kinh nghiệm làm việc về quản lý nguồn nhân lực.			10	5	200	1.000							5	100	500	5	100	500
5.3	Kinh nghiệm thực tế về quản lý, phát triển nguồn nhân lực ở một số nước tiên tiến.		Nhật Bản, Mỹ, Đức, Singapore ...	5	10	100	18.465				2	40	7.386	2	40	7.386	1	20	3.693
II	Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ (không bao gồm đối tượng mục I)	750		15		750	7.300	0	0	0	5	250	2.460	8	400	3.872	2	100	968
I	Lĩnh vực quản lý đô thị phát triển đô thị	350		7		350	3.428	0	0	0	3	150	1.492	4	200	1.936	0	0	0
1.1	Lĩnh vực giao thông vận tải liên quan đến quản lý đô thị	100		2		100	968	0	0	0	2	100	968	0	0	0	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu hoạch định chính sách, triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý giao thông trong đô thị (quản lý quy hoạch hệ thống giao thông đô thị, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đô thị, quản lý vận hành hệ thống giao thông đô thị) gắn với chuyển đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức phụ trách lĩnh vực giao thông vận tải liên quan đến quản lý đô thị thuộc Sở Giao thông vận tải; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	12	100	968				2	100	968						

05

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
1.2	Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc liên quan đến quản lý đô thị	50		1		50	524	0	0	0	1	50	524	0	0	0	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu hoạch định các chính sách, triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch - kiến trúc gắn với chuyển đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức phụ trách lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc liên quan đến quản lý đô thị thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	1	12	50	524				1	50	524						
1.3	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường liên quan đến quản lý đô thị	100		2		100	968	0	0	0	0	0	0	2	100	968	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu hoạch định chính sách, triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý khoáng sản, quản lý đất đai, quản lý môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu gắn với chuyển đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường liên quan đến quản lý đô thị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	12	100	968							2	100	968			
1.4	Lĩnh vực xây dựng liên quan đến quản lý đô thị	100		2		100	968	0	0	0	0	0	0	2	100	968	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức kỹ năng tham mưu hoạch định các chính sách về triển khai các dự án đầu tư xây dựng; lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng; lĩnh vực quản lý văn minh đô thị, triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng đô thị gắn với chuyển đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức phụ trách lĩnh vực xây dựng liên quan đến quản lý đô thị thuộc Sở Xây dựng và UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	12	100	968							2	100	968			

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
2	Bồi dưỡng công tác tổ chức cán bộ	400		8		400	3.872	0	0	0	2	100	968	4	200	1.936	2	100	968
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về xác định biên chế làm việc, tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, tham mưu xây dựng các chính sách đối với CBCCVC của cơ quan, đơn vị công tác, xử lý các tình huống trong hoạt động công vụ về công tác tổ chức cán bộ gắn với chuyên đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức làm công tác tổ chức cán bộ thuộc các sở, cơ quan tương đương sở; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	8	12	400	3.872				2	100	968	4	200	1.936	2	100	968
B	BỒI DƯỠNG NÂNG CAO KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHO CÔNG CHỨC CẤP XÃ	2.100		42		2.100	26.350	0	0	0	15	750	9.370	16	800	10.020	11	550	6.960
1	Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho chủ tịch, phó chủ tịch UBND phường	900		18		900	11.700	0	0	0	7	350	4.550	6	300	3.900	5	250	3.250
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về chính quyền đô thị, quản lý phát triển đô thị, môi trường đô thị, chuyển đổi số trong quản lý đất đai, xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước tại cơ quan và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn thuộc các huyện có kế hoạch chuyển thành quận.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	18	12	900	11.700				7	350	4.550	6	300	3.900	5	250	3.250
2	Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã và thị trấn	700		14		700	9.100	0	0	0	4	200	2.600	6	300	3.900	4	200	2.600
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trong quản lý đất đai, chuyển đổi số trong quản lý đất đai, xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước tại địa phương và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, thị trấn thuộc các huyện không có kế hoạch chuyển thành quận.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	14	12	700	9.100				4	200	2.600	6	300	3.900	4	200	2.600

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
3	Lĩnh vực Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường cấp xã liên quan đến quản lý đô thị và chuyển đổi số	500		10		500	5.550	0	0	0	4	200	2.220	4	200	2.220	2	100	1.110
	Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị, đất đai, nhà ở, dự án đầu tư xây dựng, trật tự xây dựng, quản lý giao thông, chiếu sáng, thoát nước, nghĩa trang, cây xanh, thu gom xử lý rác thải, các vấn đề môi trường phát sinh trên địa bàn và chuyển đổi số trong quản lý đất đai.	Công chức chức danh địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường thuộc UBND xã, phường, thị trấn.	Trong nước và chuyên gia nước ngoài	10	10	500	5.550				4	200	2.220	4	200	2.220	2	100	1.110

PHỤ LỤC BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025" SỞ TÀI CHÍNH CHỦ TRÌ

(Kèm theo Kế hoạch số **213** /KH-UBND ngày **08** tháng **8** năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày/lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG SỐ	200		22		500	22.208	0	0	0	9	240	10.129	7	140	7.886	6	120	4.193
A	BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC CÁC SỞ, NGÀNH; UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	200		22		500	22.208	0	0	0	9	240	10.129	7	140	7.886	6	120	4.193
I	Bồi dưỡng hình thành đội ngũ chuyên gia	100		20		400	21.240	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
1	Lĩnh vực Kế hoạch - Tài chính	100		20		400	21.240	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
1.1	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về quản lý tài chính công, đầu tư công, chiến lược, chính sách công, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách gắn với chuyển đổi số; kiến thức, kinh nghiệm làm việc của những nước tiên tiến về lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch.	Đối tượng: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng làm công tác Tài chính - Kế hoạch thuộc các sở, cơ quan tương đương sở, UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	5	20	100	1.775				5	100	1.775						
1.2	Cập nhật kiến thức về quản lý tài chính công, đầu tư công, chiến lược, chính sách công; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách gắn với chuyển đổi số; kinh nghiệm làm việc của những nước tiên tiến về lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch.			10	5	200	1.000							5	100	500	5	100	500
1.3	Kinh nghiệm thực tế về quản lý tài chính công, đầu tư công, chiến lược, chính sách công; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách ở một số nước tiên tiến.		Đức, Mỹ, Singapore ...	5	10	100	18.465				2	40	7.386	2	40	7.386	1	20	3.693

05

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
II	Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ (không bao gồm đối tượng mục I)	100		2		100	968	0	0	0	2	100	968	0	0	0	0	0	0
I	Lĩnh vực quản lý đô thị phát triển đô thị	100		2		100	968	0	0	0	2	100	968	0	0	0	0	0	0
1.1	Lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư liên quan đến quản lý đô thị	100		2		100	968	0	0	0	2	100	968	0	0	0	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu hoạch định chính sách, triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý kế hoạch, tài chính cho đầu tư phát triển đô thị, nguồn lực tài chính cho phát triển đô thị gắn với chuyển đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức phụ trách lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư liên quan đến quản lý đô thị thuộc Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	12	100	968				2	100	968						

05

PHỤ LỤC BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025" SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHỦ TRÌ

(Kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG SỐ	340		22		550	8.578	0	0	0	9	300	3.275	8	150	4.803	5	100	500
A	BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC CÁC SỞ, NGÀNH; UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	300		20		520	7.968	0	0	0	9	300	3.275	6	120	4.193	5	100	500
I	Bồi dưỡng hình thành đội ngũ chuyên gia	100		16		320	6.468	0	0	0	5	100	1.775	6	120	4.193	5	100	500
1	Lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số	100		16		320	6.468	0	0	0	5	100	1.775	6	120	4.193	5	100	500
1.1	Bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong chính phủ điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh và chuyển đổi số.	Công chức phụ trách công nghệ thông tin thuộc các sở, cơ quan tương đương sở; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	5	20	100	1.775				5	100	1.775						
1.2	Cập nhật kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong chính phủ điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh và chuyển đổi số.			10	5	200	1.000							5	100	500	5	100	500
1.3	Kinh nghiệm thực tế về ứng dụng công nghệ thông tin trong Chính phủ điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh và chuyển đổi số ở một số nước tiên tiến.		Nhật Bản, Singapore, Mỹ, ...	1	10	20	3.693							1	20	3.693			

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH DTBD	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC DTBD	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
II	Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ (không bao gồm đối tượng mục I)	200		4		200	1.500	0	0	0	4	200	1.500	0	0	0	0	0	0
1	Chuyển đổi số trong quản lý đất đai	100		2		100	900	0	0	0	2	100	900	0	0	0	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức về chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đất đai và ứng dụng triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai.	Công chức phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường liên quan đến quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	10	100	900				2	100	900						
2	Chuyển đổi số trong hoạt động văn thư lưu trữ	100		2		100	600	0	0	0	2	100	600	0	0	0	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn thư lưu trữ và ứng dụng triển khai thực hiện nhiệm vụ văn thư lưu trữ.	Công chức phụ trách công tác văn thư lưu trữ thuộc các sở, cơ quan tương đương sở; UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	5	100	600				2	100	600						
B	BỒI DƯỠNG NÂNG CAO KIẾN THỨC, KỸ NĂNG QUẢN TRỊ ĐƠN VỊ CHO VIÊN CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ	40		2		30	610	0	0	0	0	0	0	2	30	610	0	0	0
1	Quản trị hệ thống mạng và bảo mật	20		1		15	355	0	0	0	0	0	0	1	15	355	0	0	0
	Bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống mạng và bảo mật, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến quản trị hệ thống và bảo mật.	Viên chức Trung tâm dữ liệu nhà nước - Sở Thông tin và Truyền thông.	Trong nước và chuyên gia nước ngoài	1	20	15	355							1	15	355			
2	Quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu	20		1		15	255	0	0	0	0	0	0	1	15	255	0	0	0
	Bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu.	Viên chức Trung tâm dữ liệu nhà nước - Sở Thông tin và Truyền thông.	Trong nước và chuyên gia nước ngoài	1	20	15	255							1	15	255			

**PHỤ LỤC BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025" SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỦ TRÌ**

(Kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG SỐ	120		6		180	5.316	0	0	0	1	20	455	4	140	4.761	1	20	100
A	BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC CÁC SỞ, NGÀNH; UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	120		6		180	5.316	0	0	0	1	20	455	4	140	4.761	1	20	100
I	Bồi dưỡng hình thành đội ngũ chuyên gia	20		4		80	4.348	0	0	0	1	20	455	2	40	3.793	1	20	100
1	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	20		4		80	4.348	0	0	0	1	20	455	2	40	3.793	1	20	100
1.1	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách gắn với chuyển đổi số, kinh nghiệm làm việc ở những nước tiên tiến về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ.	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	1	20	20	455				1	20	455						
1.2	Cập nhật kiến thức, kỹ năng về quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chuyển đổi số, kinh nghiệm làm ở những nước tiên tiến về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ.			2	5	40	200							1	20	100	1	20	100
1.3	Kinh nghiệm thực tế về quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ theo ở một số nước tiên tiến.		Úc, Mỹ, Singapore, New Zealand, ...	1	10	20	3.693							1	20	3.693			

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
II	Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ (không bao gồm đối tượng mục I)	100		2		100	968	0	0	0	0	0	0	2	100	968	0	0	0
I	Lĩnh vực Khoa học và công nghệ	100		2		100	968	0	0	0	0	0	0	2	100	968	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu hoạch định chính sách, triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực Khoa học và công nghệ gắn với chuyển đổi số và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Công chức phụ trách lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	2	12	100	968							2	100	968			

25

PHỤ LỤC BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025" SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHỦ TRÌ

(Kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG SỐ	3.100		140		3.400	81.740	0	0	0	52	1.265	31.661	52	1.265	30.386	36	870	19.193
A	BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC CÁC SỞ, NGÀNH; UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	100		20		400	21.740	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
I	Bồi dưỡng hình thành đội ngũ chuyên gia	100		20		400	21.740	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
6	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	100		20		400	21.740	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
6.1	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kinh nghiệm làm việc ở những nước tiên tiến và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và đào tạo.	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	5	20	100	1.775				5	100	1.775						
6.2	Cập nhật kiến thức, kỹ năng về quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kinh nghiệm làm việc ở những nước tiên tiến và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và đào tạo.			10	5	200	1.500							5	100	500	5	100	500
6.3	Kinh nghiệm thực tế về quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chuyển đổi số trong quản lý giáo dục ở một số nước tiên tiến.		Úc, Mỹ, Singapore, New Zealand, ...	5	10	100	18.465				2	40	7.386	2	40	7.386	1	20	3.693

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
B	BỒI DƯỠNG NÂNG CAO KIẾN THỨC, KỸ NĂNG QUẢN TRỊ ĐƠN VỊ CHO VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ	3.000		120		3.000	60.000	0	0	0	45	1.125	22.500	45	1.125	22.500	30	750	15.000
1	Quản trị trường học	3.000		120		3.000	60.000	0	0	0	45	1.125	22.500	45	1.125	22.500	30	750	15.000
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản trị trường học, chuyển đổi số trong quản trị trường học và học tập kinh nghiệm thực tiễn ở trong nước.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non.	Trong nước và chuyên gia nước ngoài	120	10	3.000	60.000				45	1.125	22.500	45	1.125	22.500	30	750	15.000



PHỤ LỤC BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025" SỞ Y TẾ CHỦ TRÌ

(Kèm theo Kế hoạch số **213** /KH-UBND ngày **08** tháng **8** năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG SỐ	150		22		450	23.040	0	0	0	9	190	10.461	7	140	7.886	6	120	4.193
A	BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC CÁC SỞ, NGÀNH; UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	100		20		400	21.740	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
I	Bồi dưỡng hình thành đội ngũ chuyên gia	100		20		400	21.740	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
1	Lĩnh vực y tế	100		20		400	21.740	0	0	0	7	140	9.161	7	140	7.886	6	120	4.193
1.1	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kinh nghiệm làm việc ở những nước tiên tiến và chuyển đổi số trong quản lý y tế.	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc UBND quận, huyện, thị xã.	Trong nước và mời chuyên gia nước ngoài	5	20	100	1.775				5	100	1.775						
1.2	Cập nhật kiến thức, kỹ năng về quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kinh nghiệm làm việc ở những nước tiên tiến và chuyển đổi số về lĩnh vực y tế.			10	5	200	1.500							5	100	500	5	100	500
1.3	Kinh nghiệm thực tế về quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chuyển đổi số về lĩnh vực y tế ở một số nước tiên tiến.		Pháp, Úc, New Zealand,...	5	10	100	18.465				2	40	7.386	2	40	7.386	1	20	3.693

TT	TÊN LỚP/CHƯƠNG TRÌNH ĐTBĐ	ĐỐI TƯỢNG VÀ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC ĐTBĐ	Cơ sở đào tạo	CHỈ TIÊU 4 NĂM				CHIA THEO TỪNG NĂM											
								2022			2023			2024			2025		
				Số lớp	Thời gian (ngày /lớp)	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp	Số học viên (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
B	BỒI DƯỠNG NÂNG CAO KIẾN THỨC, KỸ NĂNG QUẢN TRỊ ĐƠN VỊ CHO VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ	50		2		50	1.300	0	0	0	2	50	1.300	0	0	0	0	0	0
1	Quản trị bệnh viện	50		2		50	1.300	0	0	0	2	50	1.300	0	0	0	0	0	0
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản trị bệnh viện, chuyển đổi số trong quản trị bệnh viện và học tập kinh nghiệm thực tiễn trong nước.	Giám đốc, Phó Giám đốc các bệnh viện công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội.	Trong nước và chuyên gia nước ngoài	2	10	50	1.300				2	50	1.300						

25